TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2019/HS-ST Ngày 31- 5-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trọng Thứ

2. Ông Vũ Mạnh Toản

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh ngày 15/11/1972 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt N; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Nhật T(Liệt sỹ) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 03/10/1988 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt N; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị É, sinh năm 1965; có vợ: Lương Ngọc H, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/3/2013, Công an huyện Quỳnh Phụ phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ

ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Lương Thành N, sinh ngày 12/01/1982 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt N; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; con ông Lương Thế V, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1959; có vợ: Trần Thị Hồng H, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Lương Mạnh T, sinh ngày 08/8/1984 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt N; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; con ông Lương Văn H, sinh năm 1950 và bà Lương Thị Đ, sinh năm 1957; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/5/1981 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt N; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; là đảng viên Đảng cộng sản Việt N hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1947; có vợ: Trần Thị Kim N, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(*Các bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 01/3/2019, các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D sau khi ăn cơm liên hoan về nhà bị cáo N chơi. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang hát karaoke nhìn thấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để dưới gầm bàn uống nước bị cáo T đã nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền nên rủ: "*Anh em mình làm tý ba cây ăn tiền*". Hiểu ý của T rủ mọi người đánh bạc tại nhà mình nhưng vì cũng muốn đánh bạc nên N đồng ý cùng với các bị cáo xuống nhà ngang ngồi quây tròn dưới nền nhà, thống nhất đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "ba cây", số tiền đặt cửa mỗi ván bạc từ 50.000 đến 100.000 đồng. Bị cáo T lọc các quân bài 10, J, Q, K để ra cạnh, số quân bài còn lại (từ A đến 9) đặt ở giữa chiếu bạc; bị cáo N không trực tiếp cầm bài mà đặt cửa (tiền) theo bài của

một trong 3 người chơi còn lại để được thua với người làm chương; thống nhất xong các bị cáo bỏ tiền xuống nền nhà bắt đầu đánh bạc. Bị cáo T là người làm chương chia ván bạc đầu tiên, hình thức chơi và cách tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: Người làm chương cầm 36 quân bài từ A đến 9 lên đảo nhiều lần rồi lần lượt chia theo chiều quay kim đồng hồ cho mình và mỗi người chơi 03 quân bài, số quân bài còn lại đặt úp xuống nền nhà. Những người tham gia chơi bắt đầu đặt tiền cược ở cửa tương ứng vị trí ngồi của mình, đặt tiền xong, tất cả cầm các quân bài lên tính điểm; cách tính điểm như sau: mỗi quân bài từ A đến 9 được tính tương ứng số điểm là từ 1 đến 9 điểm; điểm bài là số hàng đơn vị của tổng điểm 3 quân bài (ví dụ 3 quân bài có tổng cộng điểm 15 thì điểm bài là 5 điểm; nếu 3 quân bài có tổng điểm là 10, 20 thì điểm bài là 10 điểm), bài của ai có số điểm 10 là cao nhất và điểm 1 là nhỏ nhất. Người chơi so điểm với điểm của người làm chương, nếu điểm cao hơn thì thắng và được hưởng số tiền gấp đôi số tiền đặt cửa, nếu điểm thấp hơn thì bị thua số tiền đặt cửa. Trong một ván bạc, người làm chương và người chơi có điểm ngang nhau thì xác định thắng thua bằng cách so điểm quân bài có chất cao nhất trên bài; bài của ai có quân bài chất rô là thắng, nếu không có chất rô thì lần lượt lấy quân bài có chất cơ, tép, bích để tính thắng thua. Kết thúc mỗi ván bạc người làm chương thu tiền của người thua trả cho người thắng, nếu còn thừa thì người làm chương được hưởng, thiếu thì phải bỏ tiền ra để trả. Kết thúc ván bạc người nào có 10 điểm thì được làm chương cho ván bạc tiếp theo. Đến khoảng 21 giờ 35 phút, tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền các bị cáo đang đánh bạc để dưới nền nhà là 7.600.000 đồng; quản lý trên người các bị cáo 6.600.000 đồng, trong đó: Nguyễn Văn D 3.100.000 đồng, Lương Mạnh T 2.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc D 1.000.000 đồng, Nguyễn Đức T 500.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc trong vụ án là 14.200.000 đồng

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai: Các bị cáo là bạn bè cùng thôn, tối ngày 01/3/2019 các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền tại nhà ở của bị cáo Lương Thành N ở Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Về số tiền mang theo và sử dụng để đánh bạc: Nguyễn Văn D, Lương Mạnh T mỗi bị cáo có 4.000.000 đồng, Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc D mỗi bị cáo 3.000.000 đồng, Lương Thành N 200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSQP ngày 04/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "*Đánh bạc*" và đề nghị :

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i; s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo trong vụ án; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Lương Thành N. Áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc D với mức án: Bị cáo Nguyễn Đức T từ 09 đến 12 tháng, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng; bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 06 đến 09 tháng, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lương Thành N với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019 là 06 ngày được quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, giao các bị cáo Nguyễn Dức T, Nguyễn Ngọc D và Lương Thành N cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D với mức: Lương Mạnh T từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng; Nguyễn Văn D từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D và Lương Thành N, mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 14.200.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân của bị cáo Lương Thành N.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thừa nhận, tối ngày 01/3/2019 các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền tại nhà bị cáo Lương Thành N ở Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình bị bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 14.200.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/3/2019, tại nhà của Lương Thành N ở Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D đã cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh ba cây, đến 21 giờ 30 phút cùng ngày bị Công an huyện Quỳnh Phụ bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 14.200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Đánh bạc*" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, vì vậy các bị cáo phải chịu trách

nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc với nhau mà cùng nhau đánh bạc, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cần xem xét mức độ phạm tội của từng bị cáo để lên mức án phù hợp, tương xứng với hành vi mỗi bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, trực tiếp rủ các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc và là người cầm chương đầu tiên, số tiền tham gia đánh bạc là 3.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc D có số tiền tham gia đánh bạc bằng bị cáo T, nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc vào năm 2013; bị cáo Lương Thành N không trực tiếp cầm bài nhưng đặt cửa theo bài của một trong 3 người chơi còn lại để được thua với người làm chương, bị cáo N có số tiền tham gia đánh bạc là 200.000 đồng, ít nhất so với các bị cáo khác nhưng là chủ nhà, dùng nhà ở của mình làm địa điểm để các bị cáo đánh bạc; bị cáo Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D tham gia đánh bạc đơn thuần với số tiền mỗi bị cáo là 4.000.000 đồng. Do đó đánh giá mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T cao nhất trong vụ án, sau bị cáo T lần lượt là bị cáo Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N và Lương Mạnh T, Nguyễn Văn D.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và "*người phạm tội thành khẩn khai báo*" theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Đức T có bố đẻ là liệt sỹ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "*người phạm tội là con của liệt sỹ*" quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn D có bố là bệnh binh hạng 2/3 và mẹ là thanh niên xung phong bị nhiễm chất độc hóa học, trong thời gian bị cáo làm Bí thư đoàn thanh niên CSHCM xã A, huyện Q đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở (năm 2016); bị cáo Lương Thành N có thời gian tham gia quân đội; do đó bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Lương Thành N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt đối với các bị cáo: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Đức T, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D đều có nhân thân thân tốt; bị cáo Nguyễn Ngọc D tuy bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng thời gian vi phạm đã lâu (năm 2013) và ngoài lần này ra không vi phạm lần nào khác; các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú ổn định rõ ràng, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng các hình phạt tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo cũng đủ giáo dục các bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Qua phân tích trên thấy, bị

cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, bị cáo Nguyễn Ngọc D đã một lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, do đó cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với hai bị cáo này là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Xét mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T cao hơn bị cáo Nguyễn Ngọc D nhưng bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo D, do đó mức án của hai bị cáo ngang nhau là có căn cứ; áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lương Thành N, do bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập và áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D là tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo. Xét mức độ phạm tội của bị cáo Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D là như nhau nhưng bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T, do đó mức phạt của bị cáo D thấp hơn so với bị cáo T.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau, do đó cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D và Lương Thành N như mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp; đối với các bị cáo Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không phạt bổ sung là phạt tiền.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã quản lý 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân của bị cáo Lương Thành N, đây là bộ bài các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 14.200.000 đồng quản lý của các bị cáo là tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc, do đó tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i; s; x khoản 1 Điều 51, các điều 58; 50 và khoản 1; 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến 07/3/2019).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức T 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, các điều 58; 50 và khoản 1; 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/3/2019 đến 07/3/2019).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc D 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 58; 50 và Điều 36 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lương Thành N 01(một) năm 06 (*sáu*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 06 (*sáu*) ngày tạm giữ (từ ngày 02/3/2019 đến ngày 07/3/2019) bằng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 01 (*một*) năm 05 (*năm*) tháng 12 (*mười hai*) ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Lương Thành N 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lương Thành N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, các điều 58; 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lương Mạnh T 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 58; 50 và Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn D 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân của bị cáo Lương Thành N.

Tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 14.200.000đ (*mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó, của Nguyễn Văn D và Lương Mạnh T mỗi bị cáo 4.000.000 đồng, Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc D mỗi bị cáo 3.000.000 đồng và bị cáo Lương Thành N 200.000 đồng.

Bộ bài tú lơ khơ có đặc điểm chi tiết và đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 06/5/2019; số tiền 14.200.000 đồng được chuyển đến tài khoản tạm thu, tạm giữ số 3949.0.1053942.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại Kho bạc Nhà nước huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 07/5/2019.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc D, Lương Thành N, Lương Mạnh T và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Quỳnh Phụ;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Liên
(Đã ký)